

1 / 22 ~ 1 / 24 日 2025 台灣 PGA 巡迴賽 年度資格排名賽 參賽名單
2025 Taiwan PGA Tour Qualifying School

PLAYER ENTRY LIST

2024.12.05

No.	中文姓名	Name	國籍 / Country	No.	中文姓名	姓名 / Name	國籍 / Country
1	王于誠	Yu-Cheng Wang	TWN	36	陳漳濤		TWN
2	王力偉	Wang Li-wei	TWN	37	陳靈宇		TWN
3	王人立	Wang Jen-li	TWN	38	陳孝虎		TWN
4	王中欣	Eugene wang	TWN	39	陳科壹		TWN
5	王羽詮	Yu-chuan Wang	TWN	40	陳柏睿		TWN
6	方胤人	Fang Yin Jen	TWN	41	陳威勝		TWN
7	方傳崑	Chuan-wei Fang	TWN	42	陳奕騫		TWN
8	江以安	Chiang Ian	TWN	43	陳逸祐		TWN
9	邱瀚霆	Chiu Han-Ting	TWN	44	陳祐翔		TWN
10	邱昱嘉	Yu-chia Chiu	TWN	45	陳暉泓		TWN
11	李尚融	Lee Shang Jung	TWN	46	陳乃嘉		TWN
12	李威霖	Lee Wei-lin	TWN	47	陳守成		TWN
13	李政遠	Tony Lee	TWN	48	陳 樺		TWN
14	李謹州	Lee Chin-chou	TWN	49	陳勁豪		TWN
15	李 瞳	Tung Lee	TWN	50	陳彥宇		TWN
16	李士鴻	Lee Shih-hung	TWN	51	陳兆豐		TWN
17	李睿紳	Jui-shen Lee	TWN	52	陳宥蓁		TWN
18	李昭樺		TWN	53	陳喜恩		TWN
19	巫耀微	Yao-wei Wu	TWN	54	陳國俊		TWN
20	吳汶軒	Wen-xuan Wu	CHN	55	翁永田		TWN
21	何昊青	Hao-ching Ho	TWN	56	郭時雨		TWN
22	汪聰傑		TWN	57	許智凱		TWN
23	林耕緯	Lin Keng-wei	TWN	58	許閎軒		TWN
24	林明業	Lin Ming-yeh	TWN	59	許維宸		TWN
25	林遠惟	Lin Yuan Wei	TWN	60	張庭碩		TWN
26	林楷傑	Kai-jie Lin	TWN	61	張宇誠		TWN
27	林煒傑	Lin Wei-jie	TWN	62	張建棋		TWN
28	林佳緒		TWN	63	張簡克諺		TWN
29	林冠亨		TWN	64	崔楚汶		TWN
30	林尚澤		TWN	65	黃柏叡		TWN
31	卓宗霖		TWN	66	黃冠勳		TWN
32	洪駿剛		TWN	67	黃至翊		TWN
33	洪瑞誠		TWN	68	游家瑋		TWN
34	施俊宇		TWN	69	程之廷		TWN
35	陳佑宇		TWN	70	溫楨祥		TWN

1 / 22 ~ 1 / 24 日 2025 台灣 PGA 巡迴賽 年度資格排名賽 參賽名單

2025 Taiwan PGA Tour Qualifying School

PLAYER ENTRY LIST

2024.12.05

No.	中文姓名	Name	國籍 / Country	No.	中文姓名	姓名 / Name	國籍 / Country
71	溫 新		TWN	106	古屋 諒人	Ryoto Furuya	JPN
72	彭冠勳		TWN	107	奧松 良太	Ryota Okumatsu	JPN
73	楊 傑		TWN	108	森井 晶紀	Akinori Morii	JPN
74	楊 豪		TWN	109	高橋 慶祐	Keisuke Takahashi	JPN
75	楊孝哲		TWN	110	渡邊 龍之介	Watanabe Ryunosuke	JPN
76	楊斐皓		TWN	111	福原 翔太	Shota Fukuhara	JPN
77	楊大衛		TWN	112	若有 宣彥	Nobuhiko Wakaari	JPN
78	詹佳翰		TWN	113	格蘭特·戈弗雷	Grant Godfrey	USA
79	鄭存宸		TWN	114	桐島 崇文	TAKAFUMI KIRISHIMA	JPN
80	鄭從熹	Christopher Cheng	HKG	115	池内 慧	Ikeuchi Kei	JPN
81	鄧宇皓		TWN	116	小木野 太優	Taiyu Ogino	JPN
82	蔡睿恒		TWN	117	島野 璃央	RIOU SHIMANO	JPN
83	蔡勁暘		TWN	118	中村 聰泰	Sota Nakamura	JPN
84	蔡瑞杰		TWN	119	副田 裕斗	YUTO SOEDA	JPN
85	蔡顯至		TWN	120	永澤 翔	Sho Nagasawa	JPN
86	劉澤森		TWN	追加 1	加藤 輝	Hikaru Kato	JPN
87	賴嘉一		TWN	追加 2	林大鎔		TWN
88	謝靈葳		TWN	追加 3	荒木 義和	Yoshikazu Araki	JPN
89	謝旻軒		TWN	追加 4	竹村 知也	Tomoya Takemura	JPN
90	謝東宏		TWN	追加 5	金子 德馬	Tokuma Kaneko	JPN
91	羅政元		TWN	追加 6	都間 克則	Tsuma Katsunori	JPN
92	羅鼎弘		TWN	候補 1	王上逸	Wang ShangYi	JPN
93	蘇彥璋		TWN	候補 2	徐志豪	Neo Hsu	JPN
94	沃拉松·蘇萬帕南	Worrasorn Suwanpanang	THA	候補 3	張維霖	Chang Wei Lin	JPN
95	遠藤 健太	Kenta Endo	JPN	候補 4	宮内孝輔	Kosuke Miyauchi	JPN
96	櫻井 建都	Kento Sakurai	JPN	候補 5	鄭賀升	Hanson Cheng	JPN
97	澤崎 安雄	Yasuo Sawasaki	JPN	候補 6	神農 洋平	Shinno Yohei	JPN
98	陳偉邦	Bond Chan	AUS	候補 7	久保田 皓也	Kubota Hiroya	JPN
99	藤山 大耀	Daiyo Fujiyama	JPN	候補 8	堺 永遠	Towa Sakai	JPN
100	鈴木 之人	Yukito Suzuki	JPN	候補 9			
101	尼蒂波爾·圖安通	Nithipol Tuangthong	THA	候補 10			
102	梶村 夕貴	Yuki Kajimura	JPN	候補 11			
103	鶴見 大樹	DAIKI TSURUMI	JPN	候補 12			
104	橫川 康祐	Kosuke Yokokawa	JPN	資料未完整	三島 大輝	Taiki Mishima	JPN
105	織田 信亮	Nobuaki Oda	JPN	資料未完整	武内 伸悟	Shingo Takeuchi	JPN